TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Phước Công và ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Minh T, sinh năm 1990, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 15/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xử phạt 06 tháng tù, về tội *"Đánh bạc";* chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2019, chưa nộp tiền phạt và án phí; tiền sự: chưa; nhân thân: Ngày 01/11/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện C quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, với thời gian 03 tháng; chấp hành xong ngày 02/02/2022; bị tạm giữ từ ngày 27/02/2024 đến ngày 04/3/2024 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Kim Đ, bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Hồng S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên P Minh T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 27/02/2024, T chạy xe đạp đến khu vực nhà của bà Trần Thị T1 thuộc ấp M, xã M, huyện C. Quan sát thấy bà T1 đang nằm ngủ ở gian nhà trước, bên cạnh có để 01 điện thoại Sam sung Galaxy A24 màu xanh nên T dừng xe đi đến chỗ bà T1 nằm ngủ lén lút lấy trộm điện thoại di động của bà T1. Sau đó, T bỏ lại xe đạp và đi bộ về hướng xã N. Tàu mở ốp lưng điện thoại thấy bên trong có số tiền 1.000.000 đồng và 01 căn cước công dân của bà T1, T lấy 1.000.000 đồng cất vào túi quần bên phải và cất điện thoại vào túi vải Tàu đang đeo trên người. Đối với căn cước công dân và 02 sim điện thoại (được tháo từ điện thoại của bà T1), Tàu để trên thành vách tường nhà của người dân. Trên đường đi bộ, Tàu gặp và thuê ông Nguyễn Hồng S chở về nhà giá 60.000 đồng nhưng chưa đi thì bị bà T1 và bà Nguyễn Thị T2 tìm thấy T và trình báo sự việc đến Công an xã M.

- Vật chứng thu giữ: 01 túi đeo bằng vải màu đen có in chữ "NICE"; 01 chìa khóa số 10; 01 cái mỏ lết bằng kim loại; 01 cây kìm bằng kim loại; 01 tua vít bằng kim loại; 01 xe đạp màu xanh đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A24 màu xanh (có 02 thẻ sim); 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu xanh; 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị T1 và số tiền 1.000.000 đồng.

- Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG.TTHS ngày 01/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: 01 điện thoại và ốp lưng điện thoại Tàu lấy trộm có tổng trị giá 3.510.000 đồng.

Ngày 04/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố Phạm M để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 52/CT-VKSCM ngày 30 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Phạm Minh T3 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không đề cập giải quyết. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố

tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 túi đeo bằng vải, 01 chìa khóa số 10, 01 cái mỏ lết, 01 cây kìm, 01 tua vít do không còn giá trị sử dụng; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe đạp màu xanh đen.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 27/02/2024, bị cáo chạy xe đạp đến khu vực nhà Trần Thị T1. Bị cáo dừng xe đạp đến chỗ bà T1 nằm ngủ lén lút lấy 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A24 màu xanh của bà T1. Bị cáo bỏ lại xe đạp và đi bộ về hướng xã N, mở ốp lưng điện thoại thấy bên trong có số tiền 1.000.000 đồng và 01 căn cước công dân của bà T1. Bị cáo lấy 1.000.000 đồng cất vào túi quần và cất điện thoại vào túi vải đang đeo trên người; để căn cước công dân và 02 sim điện thoại trên thành vách tường gần đó. Bị cáo thuê ông Nguyễn Hồng S chở về nhà nhưng chưa đi thì bị bà T1, bà Nguyễn Thị T2 gặng hỏi nên bị cáo thừa nhận đã lấy trộm tài sản của bà T1. Bị cáo trả cho bà T1 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A24, 1.000.000 đồng và chỉ chỗ để bà T1 nhặt 01 ốp lưng điện thoại, 01 căn cước công dân và 02 thẻ sim điện thoại. Do bà T1 trình báo nên Công an xã M yêu cầu bị cáo về trụ sở. Khi đó, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Theo kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn, 01 điện thoại di động và 01 ốp lưng điện thoại bị chiếm đoạt trị giá 3.510.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà T1 có tổng giá trị 4.510.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, ngày 15/6/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xử phạt 06 tháng tù, về tội "Đánh bạc", chưa được xóa án tích. Cho nên, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu do ngoài tiền án, bị cáo còn bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã vào ngày 01/11/2021. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho bà Trần Thị T1 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A24 cùng 02 thẻ sim, 01 ốp lưng điện thoại, 1.000.000 đồng và 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị T1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

- 01 túi đeo bằng vải, 01 chìa khóa số 10, 01 cái mỏ lết, 01 cây kìm, 01 tua vít là vật được bị cáo cất giấu tài sản chiếm đoạt được và mang theo phục vụ cho việc chiếm đoạt tài sản nên là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội. Do các vật này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 xe đạp màu xanh đen được bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt cùng giấy tờ tùy thân, bà T1 không yêu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T3 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"*;*

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Phạm Minh T3 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 27/02/2024 *(hai mươi bảy, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn).*

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cái túi đeo bằng vải màu đen có in chữ "NICE" màu trắng, kích thước (21x12)cm; 01 (một) chìa khóa (cờ lê) số 10, có in dòng chữ 'CHROME VANADIUM", có 01 đầu hình tròn, 01 đầu hình chữ U; 01 (một) mỏ lết bằng kim loại, có chữ "MADE IN CHINA – DIAMOND"; 01 (một) cây kìm kim loại, tay cầm có gắn ốp nhựa màu đỏ - đen, có chữ "MEINFA"; 01 (một) tua vít kim loại dài 15,3cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ - đen.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe đạp màu xanh – đen, phía trước có gắn bội, phía sau có gắn baga, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới)

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Minh T3 phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị T1 là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện C;
- CQTHAHS Công an huyện C;
- CQĐT Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình